TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **179**/2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 30 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Dương Đức L – sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 5, thôn N, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Trị; Cùng trú tại: K10/10 đường Đ, phường B, quận L, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2015, quyển số 01 ngày 18 tháng 01 năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vả, xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019. Nay cả hai ông bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T xác định có 01 con chung là Dương Hoài T – sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015, thống nhất thỏa thuận như sau: Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Dương Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10.2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T xác

nhận không có.

Xét thấy: Hôn nhân giữa ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện ly hôn. Ông L và bà T cũng đã thỏa thuận được việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Việc thỏa thuận của ông L và bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2 Về quan hệ con chung: Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T xác định có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Hoài T – sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Ông Dương Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10.2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Đức L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006430

ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Dương Đức L và bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã V, huyện L, T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Trinh